Biểu số 02: KẾ HOẠCH THU HỒI CÁC LOẠI ĐẤT

(Kèm theo Quyết định số: 296 /QĐ-UBND ngày 19 tháng 5 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum)

Đơn vị tính: ha

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính							
				Thị trấn Plei Kần	Xã Pờ Y	Xã Sa Loong	Xã Đăk Xú	Xã Đăk Nông	Xã Đăk Kan	Xã Đăk Dục	Xã Đăk Ang
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+..(12)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
	Tổng		**797,46**	**117,93**	**143,07**	**36,41**	**102,92**	**114,39**	**161,64**	**46,37**	**74,73**
1	**Đất nông nghiệp**	**NNP**	**707,62**	**106,22**	**138,50**	**33,12**	**100,54**	**100,30**	**151,64**	**20,25**	**57,05**
	Trong đó:										
1.1	Đất trồng lúa	LUA	11,81	1,23	0,76	0,89		3,70	1,26	0,97	3,00
	Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước	*LUC*									
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	165,43	23,02	21,74	5,70	24,96	43,47	10,74	14,04	21,76
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	408,10	80,87	109,26	23,50	56,32	51,54	76,54	5,24	4,83
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	11,66		0,50						11,16
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD	3,00			3,00					
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX	87,39	0,30	6,02		15,62		49,15		16,30
1.7	Đất nuôi trồng thuỷ sản	NTS	20,23	0,80	0,22	0,03	3,64	1,59	13,95		
2	**Đất phi nông nghiệp**	**PNN**	**89,84**	**11,71**	**4,57**	**3,29**	**2,38**	**14,09**	**10,00**	**26,12**	**17,68**
	Trong đó:										
2.1	Đất quốc phòng	CQP	0,95	0,95							
2.2	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	1,60		1,50	0,10					
2.3	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	5,71	0,11	2,20			3,40			
2.4	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	7,17	1,86		1,69		2,94	0,50	0,18	
	Trong đó:										
-	*Đất giao thông*	*DGT*	3,91	0,73		1,00		1,68	0,50		
-	*Đất xây dựng cơ sở y tế*	*DYT*	0,03							0,03	
-	*Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đạo tạo*	*DGD*	2,17	1,13		0,69		0,20		0,15	
-	*Đất công trình năng lượng*	*DNL*	1,06					1,06			
2.5	Đất ở tại nông thôn	ONT	0,63		0,43			0,20			
2.6	Đất ở tại đô thị	ODT	4,84	4,84							

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính							
				Thị trấn Plei Kần	Xã Pờ Y	Xã Sa Loong	Xã Đăk Xú	Xã Đăk Nông	Xã Đăk Kan	Xã Đăk Dục	Xã Đăk Ang
2.7	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	1,86	1,24						0,62	
2.9	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	66,44	2,51		1,50	2,38	7,55	9,50	25,32	17,68
2.10	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	0,64	0,20	0,44						

Ghi chú: Đối với các loại đất cần có ý kiến của cơ quan có thẩm quyền trước khi thu hồi thì chỉ được thực hiện thu hồi đất khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép.